TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 17/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 01 - 2026
V/v *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Tám

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Nguyễn Viết Cường - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2025/QĐXXST-DS ngày 30/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2026 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Đặng Ngọc Diễm T, sinh năm: 1997, địa chỉ: KX đường Đ, phường H, TP Đà Nẵng. (Có mặt).

**** Bị đơn:*** Ông Lê T, sinh năm: 1996, địa chỉ: KY đường N, phường A, TP Đà Nẵng. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn là bà Đặng Ngọc Diễm T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê T kết hôn với nhau vào ngày 11/4/2023, có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Khê, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại nhà trọ; vợ chồng chung sống bình thường, càng về sau vợ chồng càng có nhiều mâu thuẫn, cãi vã. Bà thấy vợ chồng không còn hạnh phúc và tiếng nói chung, hai bên không hợp nhau cả về tư tưởng cũng như cách sống và xảy ra bạo lực gia đình; nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, không có tiếng nói chung mặc dù đã được hai bên gia đình nhiều lần khuyên bảo, bà đã cố gắng nhưng mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn với nhau được nữa. Đến cuối năm 2023, bà và 02 con nhỏ đã về ngoại sinh sống nên bà và ông T đã sống ly thân từ đó nhưng ba mẹ ông T vẫn thường xuyên

tới nhà bà quậy phá, làm ảnh hưởng đến tinh thần và thể chất của bà và các con. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê T.

- Về con chung: Bà xác định bà và ông Lê T có 03 con chung Lê Ngọc Tuệ A, sinh ngày 17/11/2020, Lê Ngọc Tuệ A, sinh ngày 13/3/2023, Lê Ngọc Tuệ Â, sinh ngày 13/3/2023. Ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung Lê Ngọc Tuệ A, Lê Ngọc Tuệ Â; ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Lê Ngọc Tuệ A và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định bà và ông Lê T không có.

*** Tại Bản tự khai ngày 10/11/2025, bị đơn ông Lê T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất như lời trình bày của vợ ông là bà Đặng Ngọc Diễm T. Ông và bà T kết hôn với nhau vào ngày 11/4/2023, có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Khê, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà trọ, trong thời gian chung sống vợ chồng bình thường. Vợ chồng thỉnh thoảng có mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Đến cuối năm 2023 bà T bồng con về ngoại sinh sống, vợ chồng ông đã ly thân từ đó. Ông có thuyết phục, hàn gắn nhưng vợ ông không về và có yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn với bà Đặng Ngọc Diễm T.

- Về con chung: Ông và bà T có 03 con chung Lê Ngọc Tuệ A, sinh ngày 17/11/2020, Lê Ngọc Tuệ A, sinh ngày 13/3/2023, Lê Ngọc Tuệ Â, sinh ngày 13/3/2023. Ly hôn, ông không đồng ý bà T được nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung Lê Ngọc Tuệ A, Lê Ngọc Tuệ Â mà ông yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con chung Lê Ngọc Tuệ A, Lê Ngọc Tuệ A, Lê Ngọc Tuệ Â và không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà T không có.

*** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng:**

- Về thủ tục tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Ngọc Diễm T về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" đối với ông Lê T.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Ngọc Diễm T được ly hôn với ông Lê T.

+ Về con chung: Giao 02 con chung Lê Ngọc Tuệ A, sinh ngày 13/3/2023, Lê Ngọc Tuệ Â, sinh ngày 13/3/2023 cho bà Đặng Ngọc Diễm T và giao 01 con chung Lê Ngọc Tuệ A, sinh ngày 17/11/2020 cho ông Lê T trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đặng Ngọc Diễm T và ông Lê T không có.

Bà Đặng Ngọc Diễm T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tung:

Bà Đặng Ngọc Diễm T khởi kiện về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" đối với bị đơn là ông Lê T có địa chỉ tại phường An Khê, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lê T vắng mặt lần thứ hai tại phiên toà không có lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Ngọc Diễm T và ông Lê T kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Khê (cũ là phường An Khê, quận Thanh Khê), thành phố Đà Nẵng ngày 11/4/2023; đây là hôn nhân tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối và đảm bảo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đặng Ngọc Diễm T xác nhận thời gian chung sống giữa hai vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, không có tiếng nói chung nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2025 bà T đã chuyển về nhà bố mẹ bà ở phường Hòa Khánh, TP Đà Nẵng sinh sống.

Xét thấy, theo Biên bản xác minh ngày 04/12/2025 tại địa phương: Ông Lê T đang sinh sống tại phường An Khê, thành phố Đà Nẵng, còn bà T không sinh sống tại địa phương. Tại phiên tòa, bà T khẳng định đã hết tình cảm với ông T, vợ chồng thực sự không còn hạnh phúc nên mong muốn được ly hôn với ông T; bà T không chung sống với ông T từ đầu năm 2025; quá trình tham gia tố tụng ông T đồng ý ly hôn nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được, bà T và ông T đã sống ly thân. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T cho bà T ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà Đặng Ngọc Diễm T và ông Lê T có 03 con chung Lê Ngọc Tuệ A, sinh ngày 17/11/2020, Lê Ngọc Tuệ A, sinh ngày 13/3/2023, Lê Ngọc Tuệ Â, sinh ngày 13/3/2023. Theo Biên bản xác minh nêu trên thì cháu Lê

Ngọc Tuệ A đang sinh sống với ông T; còn 02 cháu Lê Ngọc Tuệ A, Lê Ngọc Tuệ Â hiện nay không sinh sống cùng ông T. Theo bà T, 02 cháu Lê Ngọc Tuệ A, Lê Ngọc Tuệ Â đang sinh sống với bà T. Hội đồng xét xử thấy rằng: 02 cháu Lê Ngọc Tuệ A, Lê Ngọc Tuệ Â đang sinh sống ổn định với bà T; còn cháu Lê Ngọc Tuệ A đang sinh sống ổn định với ông T. Vì vậy, không nên xáo trộn cuộc sống, học tập của các cháu. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà T, giao 02 con chung Lê Ngọc Tuệ A, Lê Ngọc Tuệ Â cho bà Đặng Ngọc Diễm T và giao 01 con chung Lê Ngọc Tuệ A cho ông Lê T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào là có cơ sở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đặng Ngọc Diễm T và ông Lê T không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* bà Đặng Ngọc Diễm T phải chịu.

[4] Theo những nhận định như trên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Ngọc Diễm T về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" đối với ông Lê T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Ngọc Diễm T được ly hôn với ông Lê T.

- Về con chung: Giao 02 con chung Lê Ngọc Tuệ A, sinh ngày 13/3/2023, Lê Ngọc Tuệ Â, sinh ngày 13/3/2023 cho bà Đặng Ngọc Diễm T và giao 01 con chung Lê Ngọc Tuệ A, sinh ngày 17/11/2020 cho ông Lê T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung, các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm và chăm sóc con chung. Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đặng Ngọc Diễm T và ông Lê T không có.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* bà Đặng Ngọc Diễm T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 0002948 ngày 06/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Đặng Ngọc Diễm T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 28/01/2026. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đà Nẵng;
- UBND phường An Khê (cũ là phường An Khê, quận Thanh Khê) (Giấy CNKH số 45 ngày 11/4/2023);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diệp